

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+BK3	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
2		TD2	7:25	22	0		22	0	
3		TD1	7:25	17	0		22	0	
4		TD3+BK4	7:25	13+7	0+0		14+8	0+0	
5		ClO+P10	9:25	14+3	0+0		18+4	0+0	chuyen 1 clo-p10
6		P2+BK10	9:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
7		P9+P2	9:25	20+1	0+0		19+3	0+0	
8		P10+BK4	11:45	11+3	0+0		15+7	0+0	
9		TTC2+TD2+P11	11:45	15+1	0+0		17+5	0+0	1 NGUOI NHA TTC2
10		PVD8+P9	11:45	13+7	0+0		13+9	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ đi về trong ngày P10-Ing



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P10 - BK3	CREW: NAM - N.CƯƠNG - N.NAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1894	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	K LỘC	P10	10	1	10	2	35	68	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BAO AN	P10	11	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KHOA	P10	16	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THIÊM	P10	09	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P10	07	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10						84	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ QUANG HIỆP	P10	03	1	3			68	DK9	Vietnamese
8	ĐỖ HỮU NAM	P10	13	1	8			68	KHAITHAC	Vietnamese
9	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	P10	08	1	8			80	KHAITHAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	05-06	2	12			67	KHAITHAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG THANH	P10	14-15	2	13			85	KHAITHAC	Vietnamese
12	LÊ ANH DŨNG	P10	12	1	4			75	KHAITHAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT TIỀN	P10	18-19	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC BA	P10	01	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ BAO TRUNG	P10	17	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P10	02	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC THANH	P10	04	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	22	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN THAI	BK3	32	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ XUÂN THUY	BK3	33	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU QUYNH AN	BK3	31	1	7			108	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	BK3	30	1	10	3	55	76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	18	1.283	20	118	2	35	13		
2	BK3	4	317	4	27	3	55	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.600</b>	<b>24</b>	<b>145</b>	<b>5</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.600</b>		<b>145</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

PHAN NHƯ CƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2	CREW: HÙNG - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1897	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	51	1	3			58	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ THẬP TOÀN	TD2						68	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG XUAN KIEN	TD2	60	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	74	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HAI SƠN	TD2	64	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
6	LUƠNG ĐỨC MINH	TD2	55-57	3	12			65	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	59	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
8	NOROV DENIS	TD2	70	1	13			86	KHOAN	Russian
9	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	63	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM LÊ NAM	TD2	76,78	2	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2						79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	61	1	3			52	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HUẤN	TD2	58	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUẬN	TD2	52	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TUNG	TD2	62	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	54	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUẤN	TD2	65-66	2	17			76	VR	Vietnamese
18	VŨ QUỐC ANH	TD2	67-68	2	13			67	VR	Vietnamese
19	TRƯƠNG MINH KHANH	TD2	69	1	16			74	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD2	72-73	2	19			72	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD2	71	1	15			63	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG DUẬN	TD2	53	1	8			57	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	22	1.537	26	179	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.537</b>	<b>26</b>	<b>179</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.537</b>		<b>179</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

  
ĐINH THỊ HOA

CREW

  
LÊ QUÝ HÙNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD1	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1900	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SUSTAVOV V.S.	TD1	11	1	10			120	D-HANH	Russian
2	ĐOÀN TUẤN TỰ	TD1	08-10	3	13			72	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC THAI	TD1	20	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGOC SON	TD1	07	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	03	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
6	LAI ĐỨC LAM	TD1	21	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HUY	TD1	04	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH TIỆP	TD1	18-19	2	9			65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIÊN DŨNG	TD1	02	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	05	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	12	1	4			87	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ QUY VINH	TD1	14-15	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THANH	TD1	16-17	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TÀI	TD1	13	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	TD1	01	1	3			65	PSV	Vietnamese
16	PHAN SỸ HOÀN	TD1	06	1	6			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	16	1.165	21	101	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.165</b>	<b>21</b>	<b>101</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.165</b>		<b>101</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.266 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRẮNG -1	TO: TD3 - BK4	CREW: VTHU - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1903	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	04	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN LUU	TD3						67	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	06	1	10	1	15	73	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BANG	TD3	01	1	6	3	45	72	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3	08	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	10	1	17			57	KHOAN	Vietnamese
7	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	12	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD3	07	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD3	09	1	14			71	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	03	1	14			71	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	02	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG THANH TŨ	TD3						84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TOÀN	TD3	05	1	8			83	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐANG	BK4				2	30	87	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	BK4	02	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUANG DUY	BK4	05	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TÀI THANH	BK4	07	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC ĐẠI	BK4	04	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	BK4	06	1	16			94	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	BK4	03	1	11			90	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	13	958	11	91	4	60	14		
2	BK4	7	587	6	74	2	30	8		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.545</b>	<b>17</b>	<b>165</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.545</b>		<b>165</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

PHẠM VĂN THU  
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: CLO - P10	CREW: NAM - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1895	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	CLO	56	1	5	5	90	71	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	47	1	11	5	67	95	KHOAN	Vietnamese
3	HỒ THANH QUANG	CLO	44-45	2	15			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CLO	43	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ MINH HIỆP	CLO	53	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	48	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
7	TRƯƠNG ĐỨC THĂNG	CLO	46	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
8	TÔ ANH TUẤN	CLO	55	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH BÌNH	CLO	42	1	9			84	ANTOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	57-58	2	16			65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	49-50	2	12			71	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	51	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUY TUYẾN	CLO	52	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	54	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	81	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	80	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	82	1	3	1	20	60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	14	1.010	17	120	10	157	18		CHUYEN 1 PAX CLO -P10
2	P10	3	197	3	11	1	20	4		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.207</b>	<b>20</b>	<b>131</b>	<b>11</b>	<b>177</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.207</b>		<b>131</b>		<b>177</b>			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

PHAN NHƯ CƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM - 2	TO: P2 - BK10	CREW: HUNG - NPHU - VU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1898	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DOAN THANH DAT	P2	61	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
2	HO CONG ANH	P2	58-59	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG DUC LINH	P2	60	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG VAN THUAN	P2	67	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DO	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC LUONG	P2	68	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
7	HA VAN TRUNG	P2	01	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN SUU	P2	05	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM ANH DUC	P2	69-70	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THE DUYET	P2	65-66	2	6			84	KH-THAC	Vietnamese
11	DO XUAN SON	P2	06	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG TRONG THAO	P2	12	1	10	2	25	72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU BAO	P2	07	1	8			98	KH-THAC	Vietnamese
14	LY TAT DAT	P2	11	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI VAN BINH	P2	04	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH QUANG	P2	64	1	8			69	VIET PHAT	Vietnamese
17	PHAM HONG VU	P2	02-03	2	16			49	XAYLAP	Vietnamese
18	LUU VAN DIEP	BK10	52	1	3	2	30	76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU DANH	BK10	51	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TAN	BK10	34-35	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG VIET HOP	BK10	48-50	3	11			65	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG TRONG OAI	BK10	36	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	17	1.207	20	130	2	25	17		
2	BK10	5	373	8	46	2	30	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.580</b>	<b>28</b>	<b>176</b>	<b>4</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.580</b>		<b>176</b>		<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

LE QUY HUNG  
DAO NGOC PHU





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P9 - P2	CREW: DUONG - TTRUNG - HIEU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1901	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BABKIN A.M	P9	14	1	6			99	KH-THAC	Russian
2	NGO ĐỨC MINH	P9	18	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HAI	P9	08	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN QUỐC VIỆT	P9	19	1	10			97	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC THAN	P9						76	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY	P9	23	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P9	09-10	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIẾU	P9						71	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	P9	24	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P9	06-07	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TÀ TIẾN MẠNH	P9	12-13	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NHAN	P9	05	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	22	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ SĨ BÌNH	P9	20	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DŨNG	P9	16	1	19	1	5	57	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	29	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	P9	25	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NGŨ	P9	15	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGHIÊM ANH THANH	P9	21	1	7	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ NAM TRUNG	P9	11	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI LONG HUNG	P2	04	1	4			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	20	1.483	21	157	2	20	19		
2	P2	1	68	1	4	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.551</b>	<b>22</b>	<b>161</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.551</b>		<b>161</b>		<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: P10 - BK4	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1896	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CHI HIỂU	P10	87-88	2	20			75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	93	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	89	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HIỂU LIÊM	P10	95	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	85	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG MINH KHUÊ	P10	90-91	2	18			60	NIPI	Vietnamese
7	HỒ NGỌC THANH	P10	86	1	5			57	PSV	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	P10	84	1	7			75	PSV	Vietnamese
9	HOANG VAN PHƯƠNG	P10	94	1	4			67	PSV	Vietnamese
10	PHAN ĐÌNH GIÁP	P10	96-97	2	11			83	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THOẠI	P10	92	1	5			60	PSV	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG LỤC	BK4	55-56	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HUY	BK4	54	1	11	1	14	64	T-TIN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	99	1	4			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	11	770	14	88	0	0	15		
2	BK4	3	196	4	33	1	14	7		
TOTAL		14	966	18	121	1	14	22		
WEIGHT KG			966		121		14			

GRAND TOAL: 1.101 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TTC2 - TD2 - P11	CREW: HUNG - N.ANH - TU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1899	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHUNG MINH HIEU	TTC2	37	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN KIEN	TD2	79	1	8			64	PSV	Vietnamese
3	BUI ANH SON	P11	84	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO DUY KHIEM	P11	94-95	2	13			69	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN DUY	P11	96-98	3	12			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN THIEN THANH	P11	399	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VIET DUNG	P11	22	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN BANG	P11	100	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VAN ĐỨC	P11	92-93	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM TRAN HUU PHUC	P11	85	1	5			107	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO AN CHUNG	P11	87-88	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CAO CHI	P11	400	1	12			56	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN HUNG	P11	89	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
14	HA HAI QUANG	P11	90-91	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN KHAN	P11	21	1	6			78	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HAI TRUNG	P11	99	1	3			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TUAN	P11	86	1	6			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	1	76	1	8	0	0	1		(NGOI GHE PHU)
2	TD2	1	64	1	8	0	0	5		
3	P11	15	1.061	21	120	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.201</b>	<b>23</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.201</b>		<b>136</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG - 3	TO: PVD8 - P9	CREW: DƯƠNG - CHIẾN - HUY	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1902	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAKSIMOV D.	PVD8	23	1	12	2	28	117	KH-THAC	Russian
2	PHẠM THANH TÙNG	PVD8						73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC SÁNG	PVD8	29	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO QUANG THIẾT	PVD8	28	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG NHẬT THANH	PVD8	31	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN Y	PVD8	26	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BÁC	PVD8	24	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẬU HUY HOANG	PVD8	30	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUYNH VŨ	PVD8	32	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ THANH LÂM	PVD8	25	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THỰC	PVD8	33	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN ĐÌNH PHẠC	PVD8						75	KH-THAC	Vietnamese
13	TANG MINH HIẾU	PVD8	27	1	3			65	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P9	68	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	75-76	2	8			87	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN KHOA	P9	64	1	6			65	PSV	Vietnamese
17	LÊ PHÁT THỊNH	P9	66	1	6			95	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN VIỆT	P9	74	1	3			82	PSV	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG TÂN	P9	65	1	10			82	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG THUẬN	P9	67	1	5			79	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	929	11	56	2	28	13		
2	P9	7	548	8	43	0	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.477</b>	<b>19</b>	<b>99</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.477</b>		<b>99</b>		<b>28</b>			

GRAND TOTAL: 1.604 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐỖ VĂN CHIẾN

